TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/DS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2026

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1007/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Bá T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2025, được bổ sung trong bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Bá T trình bày:

Trong các năm 2024 và 2025, bà Lê Thị P vay tiền của ông 04 lần với tổng số tiền là 165.000.000đ để đáo nợ ngân hàng và mua vật tư nông nghiệp về bán, cụ thể từng lần vay như sau:

Lần 1, ngày 21/12/2024 chị P vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hẹn

đến ngày 08/01/2025 trả nợ.

Lần 2, ngày 17/02/2025 chị P vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hẹn 03 ngày sau trả (tức ngày 20/02/2025);

Lần 3, ngày 05/03/2025 chị P vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hẹn 15 đến 20 ngày sau trả, nhưng chỉ trả được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

Lần 4, ngày 12/5/2025 chị P vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), hẹn 10 ngày trả nợ;

Các lần vay hai bên không thỏa thuận lãi, khi nhận tiền vay chị P đều tự viết biên nhận vào cuốn sổ ghi chép của gia đình ông.

Tổng 04 lần, chị P đã vay của ông số tiền là 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), đã trả một lần được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn nợ 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Ông đã đòi nhiều lần nhưng chị P không trả mà còn thách thức. Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị P phải trả các khoản tiền chị P đã vay của ông với tổng số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), không yêu cầu chị P phải trả lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, ông Lê Bá T đã nộp 01 (Một) cuốn vở (dạng vở học sinh), bên trong có 03 (Ba) tờ ghi nội dung vay tiền giữa bà Lê Thị P và ông Lê Bá T.

Trong bản tự khai ngày 21/5/2026, bị đơn là bà Lê Thị P trình bày:

Bà và ông Lê Bá T là người cùng thôn, từ năm 2024 đến năm 2025 bà có vay của ông T nhiều lần tiền, tính đến ngày 21/5/2026 bà còn nợ ông T số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Ông T đã yêu cầu bà trả nợ, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa trả được nợ cho ông T. Bà xin khất với ông T và sẽ trả dần khoản nợ trên cho ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Bá T, bị đơn bà Lê Thị P và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì tranh chấp giữa ông Lê Bá T và bà Lê Thị P là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn là ông Lê Bá T có mặt; bị đơn là bà Lê Thị P vắng mặt tại phiên toà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,

nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Bá T, thấy: Căn cứ lời trình bày của ông Lê Bá T, sự thừa nhận của bà Lê Thị P phù hợp với nội dung các Giấy vay tiền đề ngày 21/12/2024, 17/02/2025, 05/3/2025 và 12/5/2025 có chữ ký của bà P do ông T giao nộp, đủ cơ sở xác định: Bà P vay tiền của ông T 04 lần với tổng số tiền 165.000.000 đồng.

Về thời hạn vay: Lời trình bày của ông T phù hợp với nội dung các giấy vay tiền nêu trên, có cơ sở xác định thời hạn vay của từng lần vay cụ thể: Lần 1, số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 21/12/2024 đến ngày 08/01/2025 (31 ngày); Lần 2, số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 17/02/2025 đến ngày 20/02/2025 (03 ngày); Lần 3, số tiền vay 100.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 05/3/2025 đến khoảng thời gian từ ngày 20 đến 25/3/2025 (từ 15 đến 20 ngày); Lần 4, số tiền vay 25.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 12/5/2025 đến ngày 22/5/2025 (10 ngày). Sau khi vay tiền, đến ngày 10/4/2025 bà P đã trả được 50.000.000 đồng, còn lại 115.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, ông T đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà P không trả được nợ cho ông T. Như vậy, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, ông T khởi kiện yêu cầu bà P phải trả nợ là có cơ sở nên chấp nhận.

Buộc bà Lê Thị P phải trả cho ông T số tiền vay các ngày 21/12/2024, 17/02/2025, 05/3/2025, 12/5/2025, tổng số tiền còn nợ là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Về lãi: Căn cứ lời trình bày của ông Lê Bá T, bà Lê Thị P phù hợp với nội dung các Giấy vay tiền do ông T giao nộp, thì các khoản vay giữa bà P và ông T là khoản vay không có lãi, nay ông T không yêu cầu bà P phải trả lãi đối với số tiền còn nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì toàn bộ yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ông T là người cao tuổi, đã được Tòa án quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T. Buộc bà Lê Thị P phải trả cho ông T số tiền vay các ngày 21/12/2024, 17/02/2025, 05/3/2025, 12/5/2025 tổng số tiền còn nợ là 115.000.000đ *(Một trăm mười lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015.

Về án phí: Bà Lê Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.750.000đ *(Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*

Ông Lê Bá T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ông T là người cao tuổi, đã được Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lê Bá T; vắng mặt bị đơn Lê Thị P. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 8
IZQ120626.TL.QDBA
794